

Số: /TB-KHCN

Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2021

THÔNG BÁO

Định hướng hoạt động nghiên cứu, ứng dụng Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Giang năm 2022

Căn cứ Quyết định số 40/2020/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Chương trình hành động số 03-CTr/TU ngày 04/12/2020 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 54-KH/TU ngày 09/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 259/KH-UBND ngày 30/11/2018 của UBND tỉnh về Chiến lược phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035;

Căn cứ Nghị quyết số 401-NQ/TU ngày 30/5/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 30/5/2019 của UBND tỉnh về Chiến lược phát triển nông nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035;

Căn cứ Kế hoạch số 91-KH/TU ngày 14/01/2020 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 01/6/2020 của UBND tỉnh thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị, Chính phủ và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Chương trình mỗi xã một sản phẩm” tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động Tăng trưởng xanh tỉnh Bắc Giang đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 10/6/2020 của UBND tỉnh thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (khóa XI) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Quyết định số 1843/QĐ-UBND ngày 14/9/2020 phê duyệt “Đề án khung nhiệm vụ khoa học và công nghệ về quỹ gen cấp bộ, cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025”;

Căn cứ Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 21/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Tăng cường hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) xây dựng định hướng nghiên cứu, ứng

dụng khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Giang năm 2022 như sau:

I. Định hướng nghiên cứu - ứng dụng

1. Lĩnh vực công nghệ thông tin (CNTT)

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị nhằm nâng cao chất lượng quản lý đô thị, tạo bước đột phá trong thay đổi phương thức quản lý, chỉ đạo, điều hành của chính quyền đô thị.

- Nghiên cứu công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) và internet kết nối vạn vật (IoT) xây dựng hệ thống dự báo, giám sát tình trạng ngập lụt; hoạt động của các trạm bơm nhằm nâng cao năng lực thoát nước trong mùa mưa của thành phố Bắc Giang.

- Nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp.

- Triển khai việc ứng dụng CNTT trên nền tảng 5G, tập trung vào các lĩnh vực: bưu chính điện tử, kinh tế số, chính quyền số, trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật (IoT), phân tích dữ liệu lớn, camera thông minh,...

- Cung cấp các dịch vụ công, dịch vụ công ích chất lượng, tạo ra môi trường năng động để doanh nghiệp và người dân được hưởng các dịch vụ thông minh, nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện chất lượng cuộc sống, tạo môi trường minh bạch, thuận lợi để thu hút mạnh mẽ các dự án đầu tư và phát triển các thành phần kinh tế thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển kinh tế số. Xây dựng hệ thống quản lý điều hành thông tin trong lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch và đầu tư, tài chính, ngân sách nhà nước đáp ứng yêu cầu nhanh chóng, chính xác, kịp thời, hỗ trợ đắc lực công tác lãnh đạo chỉ đạo điều hành của tỉnh. Phát triển các phần mềm ứng dụng trong lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch, tài chính,... theo hướng chuẩn hóa, tích hợp thuận tiện với các ứng dụng có sẵn và có thể kết nối liên thông với các ứng dụng.

- Phát triển các hệ thống phần mềm và cơ sở dữ liệu dùng chung; giải pháp kỹ thuật kết nối liên thông các hệ thống thông tin, chia sẻ, sử dụng các CSDL dùng chung để thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính; giải pháp về bảo mật, an toàn dữ liệu, thông tin và an ninh mạng.

- Ứng dụng CNTT trong quản lý đô thị thông minh và điều hành chính quyền điện tử; các giải pháp số hóa các lĩnh vực chuyên ngành của khu vực công để hướng tới chính quyền số và kinh tế số.

- Phát triển các dịch vụ, ứng dụng di động trên nền tảng 5G (giúp người dân và doanh nghiệp có thể truy cập thông tin và giao dịch với các cơ quan nhà nước bất cứ khi nào và bất cứ ở đâu, bằng các thiết bị cầm tay như điện thoại thông minh, máy tính bảng); giải pháp chuyển đổi số trong cộng đồng doanh nghiệp và các ứng dụng giao dịch điện tử của doanh nghiệp và người dân với chính quyền.

- Cung cấp các ứng dụng trực tuyến như đào tạo, phổ biến kiến thức, thông tin tuyên truyền, nâng cao năng lực CNTT và tham gia điện tử của công chúng.

2. Lĩnh vực khoa học nông nghiệp

- Xây dựng và triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất, kinh doanh các sản phẩm OCOP trên nhu cầu của các tổ chức kinh tế, hộ sản xuất tham gia Chương trình OCOP.

- Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, chọn tạo giống, thu hoạch, chế biến bảo quản và chế biến, đặc biệt là các sản phẩm có thể mạnh, đặc thù của tỉnh; xây dựng nông thôn mới; bảo vệ môi trường, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, nâng cao sức cạnh tranh cho nông sản hàng hóa của tỉnh.

- Nghiên cứu các giải pháp hạn chế ảnh hưởng của thuốc bảo vệ thực vật hóa học trong sản xuất nông nghiệp.

- Ưu tiên hỗ trợ các HTX, doanh nghiệp hình thành các mô hình canh tác tiên tiến; ứng dụng chế phẩm sinh học phục vụ bảo quản sau thu hoạch và chế biến nông sản đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; hình thành chuỗi cung ứng thực phẩm nông lâm sản an toàn, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu;

- Tạo lập, quản lý và phát triển các đối tượng sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng, tiềm năng của tỉnh.

- Phục tráng, bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn gen các giống cây trồng, vật nuôi quý hiếm, đặc sản có giá trị của địa phương.

- Xây dựng mô hình thí điểm áp dụng khoa học kỹ thuật trồng rừng thâm canh gỗ lớn, hỗ trợ chủ rừng thực hiện cấp chứng chỉ rừng bền vững quốc tế (FSC) nâng cao hiệu quả trong công tác bảo vệ phát triển rừng, trồng rừng gỗ lớn.

- Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp nhằm ứng phó với tình trạng biến đổi khí hậu đang diễn ra nghiêm trọng hiện nay.

- Xây dựng và triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ theo chuỗi giá trị.

3. Lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ

- Phát triển công nghệ vật liệu mới ứng dụng vật liệu tiên tiến, công nghệ tiết kiệm nhiên liệu, thân thiện với môi trường trong sản xuất vật liệu xây dựng và các lĩnh vực khác.

- Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao những thành tựu khoa học và công nghệ vào các lĩnh vực sản xuất công nghiệp như: Công nghiệp dệt may, cơ khí, điện tử, chế biến nông, lâm, thủy sản, hóa chất, vật liệu xây dựng,...

- Đề xuất triển khai các đề tài, dự án khoa học và công nghệ liên quan đến tiết kiệm năng lượng, phát triển bền vững.

- Phát triển và ứng dụng công nghệ xanh, công nghệ cao vào sản xuất.

- Nghiên cứu tiếp cận công nghệ và đổi mới công nghệ, lựa chọn công nghệ thích hợp phục vụ phát triển các ngành mũi nhọn của tỉnh, tạo ra các sản phẩm hàng hóa có năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh cao trong nước và xuất khẩu.

- Khuyến khích nghiên cứu - ứng dụng các nguồn năng lượng mới, năng lượng mặt trời, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch; các biện pháp sử dụng năng lượng hợp lý và tiết kiệm; xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề; rác thải nông thôn; nước thải sinh hoạt; nước thải bệnh viện; nước thải khu công nghiệp; môi trường đô thị.

- Nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, bảo vệ tài nguyên môi trường.

- Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao những thành tựu trong lĩnh vực công nghệ sinh học vào các lĩnh vực của đời sống.

4. Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn; giáo dục và đào tạo

- Nghiên cứu đánh giá các vấn đề về tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; nghiên cứu, đề xuất các giải pháp về chính sách hỗ trợ phát triển các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu cơ sở lý luận và tổng kết thực tiễn trong việc hoạch định, thực hiện các chủ trương, nghị quyết trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; Nghiên cứu cải cách thủ tục hành chính nhằm nâng cao hiệu quả bộ máy chính quyền các cấp.

- Nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá của tỉnh, các mô hình, các giải pháp phát triển du lịch.

- Nghiên cứu các giá trị văn hóa, lịch sử về con đường bộ hành của các Tổ Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử.

- Đánh giá thực trạng, đề xuất các giải pháp phát triển một số làng nghề của tỉnh Bắc Giang.

- Nghiên cứu đổi mới, cải tiến và nâng cao chất lượng học tập, giáo dục và đào tạo. Các giải pháp nâng cao giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học, sáng tạo, sáng kiến trong hệ thống trường học, trường chuyên nghiệp và dạy nghề.

5. Lĩnh vực khoa học y, dược

- Nghiên cứu các giải pháp về phát triển y tế trong chuẩn đoán, điều trị và phòng bệnh.

- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, công nghệ sinh học trong phát triển vùng nguyên liệu, bảo quản, chế biến các loại cây dược liệu và các sản phẩm dược liệu trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu các giải pháp ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất vật tư và trang thiết bị y tế.

Ngoài ra, căn cứ vào tình hình thực tiễn, các tổ chức, cá nhân, đơn vị, địa phương có thể đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ KH&CN thuộc các lĩnh vực khác để hướng đến giải quyết các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá trong thực hiện Nghị quyết

Đại hội Đảng các cấp; giải quyết những vấn đề bức xúc, khó khăn trong thực tiễn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng của tỉnh Bắc Giang.

II. Thời hạn nhận đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ KH&CN

Thời gian thực hiện: Bắt đầu nhận đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh *từ ngày ban hành Thông báo đến hết ngày 31/5/2021*. Quá thời hạn trên, các phiếu đề xuất, đặt hàng không được tổng hợp trong kế hoạch năm 2022.

**Lưu ý: Để tránh trùng lặp với các nhiệm vụ KH&CN đã thực hiện, đề nghị các tổ chức, cá nhân tra cứu theo địa chỉ: <http://nhiemvukhcn.bacgiang.gov.vn>*

III. Địa chỉ tiếp nhận đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ KH&CN

- Những nhiệm vụ KH&CN năm 2022 của các tổ chức, cá nhân đề xuất theo mẫu kèm theo Công văn này, nộp trực tuyến tại trang <http://dichvucong.bacgiang.gov.vn> hoặc gửi về “Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả” - Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Bắc Giang (Trụ sở Liên cơ quan- Quảng trường 3/2- thành phố Bắc Giang).

- Đối với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố đã thành lập Hội đồng KH&CN: đề nghị Hội đồng thông báo rộng rãi định hướng hoạt động nghiên cứu- ứng dụng để các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thuộc ngành, địa phương đề xuất, đặt hàng sau đó tổng hợp thành danh mục chung, kèm theo các phiếu đề xuất, đặt hàng gửi về địa chỉ nêu trên.

Trên đây là định hướng hoạt động nghiên cứu ứng dụng năm 2022, Sở Khoa học và Công nghệ trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT TT UBND tỉnh Mai Sơn;
- Thành viên HĐ KH&CN tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các viện nghiên cứu, trường đại học;
- Báo Bắc Giang, Đài PT&TH tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Trung tâm UD KH&CN (đăng trên website của Sở);
- Lưu: VT, QLKH.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Bình

Phụ lục

MẪU PHIẾU ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Tên nhiệm vụ:
.....
2. Hình thức thực hiện (*Một trong các hình thức: đề tài nghiên cứu khoa học; dự án khoa học và công nghệ hoặc các hình thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác*)
.....
3. Mục tiêu:
.....
4. Tính cấp thiết của nhiệm vụ (*Tầm quan trọng, tính thời sự hoặc cấp bách,...*):
.....
5. Các nội dung chính
.....
6. Kết quả dự kiến:
.....
7. Khả năng và địa chỉ áp dụng:
.....
8. Dự kiến hiệu quả mang lại:
.....
9. Dự kiến thời gian thực hiện (*Số tháng, bắt đầu từ tháng ...năm...đến tháng ...năm...*)
.....
10. Dự kiến kinh phí
- Tổng kinh phí:..... đồng.
+ Kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp KH&CN tỉnh:..... đồng.
+ Kinh phí từ nguồn khác (nếu có) :..... đồng.
11. Thông tin khác (*Chỉ áp dụng đối với dự án KH&CN*):
 - 11.1 Xuất xứ hình thành:
(Nếu là Dự án khoa học và công nghệ cần nêu rõ là kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã được Hội đồng KH&CN các cấp đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị, gồm: tên đề tài, mã số, ngày tháng năm đánh giá nghiệm thu; kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc kết quả KH&CN từ nước ngoài,...)
.....
 - 11.2 Khả năng huy động nguồn vốn ngoài Ngân sách nhà nước: (*Sự tham gia của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất,...*)
.....
12. Địa chỉ, số điện thoại, email liên hệ của tổ chức, cá nhân đề xuất
.....

CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT
(Họ, tên và chữ ký)

..., ngày ... tháng... năm 2021
TỔ CHỨC ĐỀ XUẤT
(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu)

Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.*